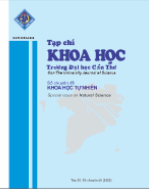




Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ

Số chuyên đề: Giáo dục Đồng bằng sông Cửu Long

website: ctujsvn.ctu.edu.vn



DOI:10.22144/ctu.jvn.2022.152

SỬ DỤNG PHÂN TÍCH MẪU VĂN BẢN TRÊN PHẦN MỀM POWTOON ĐỂ HƯỚNG DẪN HỌC SINH LỚP 6 VIẾT BÀI VĂN TỰ SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KIỂU VĂN BẢN

Nguyễn Thanh Liêm^{1*}, Nguyễn Thị Hồng Nam² và Trịnh Thị Hương²

¹Học viên cao học khóa 27, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

²Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Thanh Liêm (email: nguyenthanhliem761998@gmail.com)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 18/02/2022

Ngày nhận bài sửa: 24/03/2022

Ngày duyệt đăng: 14/04/2022

Title:

Using text model analysis on powtoon software to guide 6th-grade students to write the narrative text that meets text style requirements

Từ khóa:

Kỹ năng viết, phân tích mẫu, Powtoon, văn bản tự sự

Keywords:

Analyze model texts, Narrative text, Powtoon, writing skill

ABSTRACT

The General Education Program in Vietnamese Linguistics and Literature (2018) defines the purpose of teaching writing is “training thinking and teaching how to write”. Regarding writing teaching methods, analyzing model texts is oriented as one of the effective methods for teaching writing. To guide students to analyze texts using this method, teachers can use many different techniques and tools. In this study, the Powtoon tool combined with the measurement of the gradual release of responsibility model in order was used to help students identify the characteristics of a text style, and from there, step by step write the correct text style requirements. The study was conducted from September 2021 to January 2022, with the participation of 40 students in class 6A6, Phu Thu Secondary School, Can Tho city. The results obtained during the experimental process show that the ability to recognize text type characteristics and write narrative texts has been improved.

TÓM TẮT

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) môn Ngữ văn (2018) xác định mục đích của việc dạy viết là “rèn luyện tư duy và dạy cách viết”. Về phương pháp dạy viết, chương trình định hướng một trong những phương pháp dạy viết hiệu quả đó là phương pháp phân tích mẫu văn bản (VB). Để hướng dẫn học sinh (HS) phân tích VB bằng phương pháp này, giáo viên (GV) có thể sử dụng nhiều kỹ thuật và các công cụ khác nhau. Trong nghiên cứu này, công cụ Powtoon được sử dụng kết hợp với biện pháp giảm dần sự trợ giúp của GV để hướng dẫn HS phân tích mẫu VB tự sự. Từ đó, HS nhận biết được đặc điểm kiểu VB và từng bước viết đúng yêu cầu về kiểu VB. Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 9/2021 đến tháng 01/2022 với sự tham gia của 40 HS lớp 6A6, trường Trung học cơ sở (THCS) Phú Thứ, thành phố Cần Thơ. Kết quả thu được trong suốt quá trình thực nghiệm cho thấy khả năng nhận biết được đặc điểm kiểu VB và viết được bài văn tự sự đã được nâng cao.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) môn Ngữ văn (2018) đặt ra mục tiêu phát triển năng

lực và phẩm chất cho HS. Điều này đòi hỏi giáo viên (GV) phải đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học để đáp ứng yêu cầu dạy học trong tình

hình mới. Trong dạy viết, GV có thể sử dụng nhiều phương pháp như làm mẫu kỹ năng viết (modelling), phân tích mẫu (models), hướng dẫn học sinh (HS) trong suốt tiến trình tạo lập VB (writing process),... để dạy kỹ năng viết văn cho HS. Trong thời gian vừa qua, dịch bệnh Covid-19 đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Cụ thể là, trong lĩnh vực giáo dục, một trong những thay đổi lớn nhất là chuyển từ hình thức học tập tập trung, trực tiếp sang học tập trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp. Điều này, đòi hỏi phía GV cần nghiên cứu và vận dụng các phần mềm, các công cụ tin học vào dạy học nói chung và dạy viết nói riêng. Trong bối cảnh này, Powtoon có thể được xem là một công cụ dạy học có thể hỗ trợ GV trong quá trình dạy viết. GV có thể dùng Powtoon để hướng dẫn HS quan sát, phân tích văn bản mẫu thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập nhằm hình thành và phát triển kỹ năng viết văn.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Mục tiêu của nghiên cứu này là giúp HS nhận diện được các đặc điểm của kiểu VB tự sự và viết được bài văn tự sự đáp ứng yêu cầu về kiểu VB thông qua việc sử dụng phân tích mẫu VB bằng phần mềm Powtoon.

Nghiên cứu này trả lời cho câu hỏi: Việc sử dụng phương pháp phân tích mẫu bằng phần mềm Powtoon có tác động như thế nào đối với khả năng nhận biết kiểu VB và viết bài văn tự sự đảm bảo yêu cầu về kiểu VB của HS?

3. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

3.1. Văn bản tự sự và yêu cầu đối với kiểu VB tự sự

Theo Ciravoğlu (1998), văn tự sự là những bài viết dựa trên sự quan sát và được trình bày một cách ngắn gọn, thú vị với các nhân vật và sự kiện tại một thời điểm và địa điểm nhất định. Pardyono (2007) cho rằng “VB tự sự là loại VB kể lại chính xác các hoạt động hoặc sự kiện trong quá khứ, thể hiện kinh nghiệm bản thân và cách giải quyết vấn đề nào đó nhằm để giải trí, đôi khi đưa ra bài học đạo đức cho người đọc” (tr.94). Sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn 10 (2013) nêu cách hiểu về bài văn tự sự là “trình bày một chuỗi sự việc liên quan đến nhau, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng có một kết thúc nhằm giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê” (tr.18). Như vậy, VB tự sự được hiểu là loại VB kể lại một chuỗi sự việc tiếp nối nhau theo một trình tự nhất định của một hoặc nhiều người có liên quan trong một không gian và thời gian cụ thể.

CTGDPT môn Ngữ văn (2018) xác định yêu cầu đối với viết văn tự sự mà HS lớp 6 cần đạt là “Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân” (tr.43) và “Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích” (tr.43). Để thực hiện yêu cầu này, nhóm tác giả SGK Ngữ văn 6 - Bộ Chân trời sáng tạo (2021) đã xác định các yêu cầu cụ thể đối với hai kiểu bài này như sau:

(1) Kể lại một truyện cổ tích: thuộc loại văn kể chuyện, trong đó, người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình. Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Người kể chuyện sử dụng ngôi thứ ba.
- Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.
- Bài viết đảm bảo đầy đủ các sự việc quan trọng, đặc biệt là yếu tố kì ảo, hoang đường.
- Bài viết có bố cục gồm ba phần. Mở bài: giới thiệu tên truyện, lí do muốn kể truyện; thân bài: giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện, cốt truyện phải được trình bày và sắp xếp các sự kiện theo thời gian; kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện.

(2) Kể lại một trải nghiệm của bản thân là kiểu bài trong đó người viết kể về diễn biến của sự việc mà mình đã trải qua và để lại nhiều ấn tượng và cảm xúc. Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm của bản thân.
- Bài viết được trình bày các sự kiện theo một trình tự hợp lí.
- Bài viết có kết hợp kể và tả.
- Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.
- Bố cục bài trải nghiệm gồm ba phần. Mở bài: giới thiệu trải nghiệm; thân bài: trình bày diễn biến của sự việc; kết bài: nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với người viết.

Như vậy, có thể thấy, kể lại một truyện cổ tích và kể lại trải nghiệm của bản thân được xem là kiểu VB tự sự với các yêu cầu về ngôi kể, trình bày, cách kể và bố cục. Vì vậy, khi dạy HS viết, trước hết, GV cần dạy HS nhận diện các đặc điểm của kiểu VB. Từ đó, GV hướng dẫn HS viết được bài văn tự sự hoàn chỉnh.

3.2. Phương pháp phân tích mẫu văn bản

Theo Thi và ctv. (2022, tr. 8), trong lí luận dạy viết “các nhà nghiên cứu (Martin, 1984; Swales, 1990) coi kiểu VB như một kiểu phương tiện giao tiếp xã hội, thể hiện những nguyên tắc giao tiếp, đặc điểm văn hoá của một cộng đồng được các thành

viên trong cộng đồng chấp nhận”. Mỗi kiểu VB đều có những mục tiêu giao tiếp nhất định, những yêu cầu cụ thể về giọng điệu, ngôn từ,... Nghĩa là mỗi kiểu VB đòi hỏi người viết phải có những kiến thức và kỹ năng khác nhau.

Khi đề cập đến phương pháp dạy viết cho HS, NSW Department of Education and Training (1999) giới thiệu chiến lược Viết theo mẫu VB (modelled) là một trong ba chiến lược quan trọng trong dạy viết gồm có: Viết theo mẫu VB (modelled writing), Viết có hướng dẫn (Guided writing), Viết độc lập (Independent writing). Viết theo mẫu bao hàm hai ý: thứ nhất, GV sử dụng VB mẫu (models) như một ví dụ để giúp HS nhận biết đặc điểm kiểu VB; thứ hai, GV làm mẫu kỹ năng viết (modelling) bằng cách nói to những suy nghĩ (think-aloud) của mình trong quá trình làm mẫu cách viết để dạy HS cách viết. Đây chính là mô hình dạy viết theo kiểu giảm dần sự trợ giúp của GV để từng bước nâng cao khả năng viết độc lập của HS (gradual release of responsibility). Theo Peloghitis & Ferreira (2018), phân tích mẫu là một cách phổ biến mà GV sử dụng để hỗ trợ HS học các kiểu VB mới. Văn bản mẫu “*cung cấp một ví dụ cụ thể để người học hiểu những gì được mong đợi như một sản phẩm hoàn chỉnh và xử lý các cấu trúc tu từ, quy ước và các đặc điểm tổ chức trong văn bản*” (tr.17). Nhóm tác giả chỉ ra rằng VB mẫu có nguồn gốc từ cách dạy học tiếp cận dựa trên thể loại: “*Mục đích của phương pháp tiếp cận dựa trên thể loại là để người học phát triển nhận thức về cấu trúc và mục đích của các kiểu VB khác nhau, giúp họ phân tích các đặc điểm này, và sau đó tái tạo các đặc điểm trong bài viết của họ*” (tr.18).

Khi đề cập đến phương pháp phân tích mẫu trong dạy viết, CTGDPT môn Ngữ văn (2018) có nêu ở cấp Trung học cơ sở (THCS) và Trung học phổ thông: “*GV sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn HS hình thành dần ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho HS thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.*” (tr.84). Phương pháp phân tích mẫu kiểu VB là một trong những gợi ý mà chương trình đề ra để giúp GV sử dụng trong dạy viết cho HS. Khi đề cập đến phương pháp này, Nam và ctv. (2020) cho rằng: “*Phương pháp phân tích mẫu là phương pháp hướng dẫn HS đọc, quan sát, phân tích nội dung, cấu trúc một VB mẫu, cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong VB để qua đó, HS học cách tạo lập VB tương tự về thể loại*” (tr.31). Phân tích mẫu cũng là phương pháp dạy viết được đề cập trong CTGDPT môn Ngữ văn (2018). Nhìn chung, học theo mẫu giúp HS học được những “bí quyết”,

tham khảo “cách làm” có ý thức, như cách mà Bandura (1977) đã phát biểu: “*Học qua quan sát không đơn thuần chỉ là sự bắt chước mù quáng*” (tr.220). Đặc biệt, học thông qua phương pháp phân tích mẫu là một phương pháp hữu hiệu trong việc giúp HS làm quen với những kiểu VB mới một cách dễ dàng.

Khi sử dụng phương pháp phân tích mẫu trong quá trình dạy viết, Phương (2009) đề xuất 6 bước thực hiện, đó là: (1) lựa chọn mẫu; (2) cung cấp, giới thiệu mẫu cho HS (3); hướng dẫn HS phân tích mẫu; (4) giúp HS mô phỏng và bắt chước mẫu; (5) hướng dẫn HS sáng tạo trên cơ sở của việc bắt chước; (6) kiểm tra đánh giá, rút kinh nghiệm. Hiếu và ctv. (2020) xác định các bước tiến hành của phương pháp này, gồm: (1) xác định mục đích sử dụng phương pháp dạy học theo mẫu; (2) lựa chọn mẫu cách trình bày mẫu/ cách cung cấp mẫu cho HS; (3) xây dựng hệ thống câu hỏi/ Phiếu học tập (PHT) hướng dẫn HS phân tích theo định hướng của bài học; (4) hướng dẫn HS phân tích mẫu theo định hướng bài học; (5) hướng dẫn HS mô phỏng mẫu, tạo ra một sản phẩm tương tự như mẫu; (6) trình bày và nhận xét, đánh giá sản phẩm ngôn ngữ mới. Có thể thấy, điểm tương đồng giữa các nghiên cứu khi sử dụng phương pháp phân tích mẫu trong dạy viết đó chính là giới thiệu mẫu VB, hướng dẫn HS phân tích mẫu VB qua các câu hỏi, PHT để giúp HS nhận diện kiểu VB trước khi đi vào cho HS thực hành viết độc lập.

3.3. Phần mềm Powtoon trong dạy viết

Powtoon là ứng dụng web cho phép người dùng tạo các bài thuyết trình, giới thiệu, giải thích dưới dạng các video hoạt hình. Các video hoạt hình này có thể thực hiện với các nhân vật hoạt hình, thư viện đồ họa (infographics), hoặc thực hiện trên bảng trắng (Whiteboard Animation).

Powtoon (www.powtoon.com) do Ilya Spitalnik và Daniel Zaturansky đồng sáng lập vào năm 2012. Tháng 02 năm 2013, Powtoon giới thiệu đến người dùng tài khoản miễn phí, người dùng có thể tạo phim hoạt hình và xuất sang YouTube.

Anita and Kardena (2021), Fauziah et al. (2021) và Ningsih (2021) xem phần mềm Powtoon như một công cụ dạy viết hiệu quả. Nó có tác động đến việc nâng cao khả năng viết và động lực viết của HS. Trong nghiên cứu này, Powtoon được sử dụng như một công cụ hỗ trợ để GV thực hiện phân tích mẫu VB. Để thiết kế video phân tích mẫu VB bằng phần mềm Powtoon, GV cần tiến hành thực hiện các bước cơ bản sau:

Bước 1. Cài đặt và khởi động Powtoon:

Powtoon sẽ hiện ra hộp thoại cho lựa chọn các mục nhằm tạo hoặc mở một slideshow theo ý muốn của người sử dụng. Nếu GV muốn chọn các mẫu có sẵn thì có thể chọn Template, còn nếu thiết kế theo ý muốn riêng của GV thì có thể chọn Blank Presentation.

Bước 2. Chọn văn bản mẫu và lên ý tưởng thiết kế video

– Từ VB mẫu trong SGK Ngữ văn 6 (bộ sách Chân trời sáng tạo), ý tưởng thiết kế cần được chuẩn bị cho phần trình bày. Cụ thể là phân tích VB mẫu bám sát vào đặc điểm của kiểu VB.

– GV phân tích từng phần theo cấu trúc chung (mở bài, thân bài, kết bài) của VB.

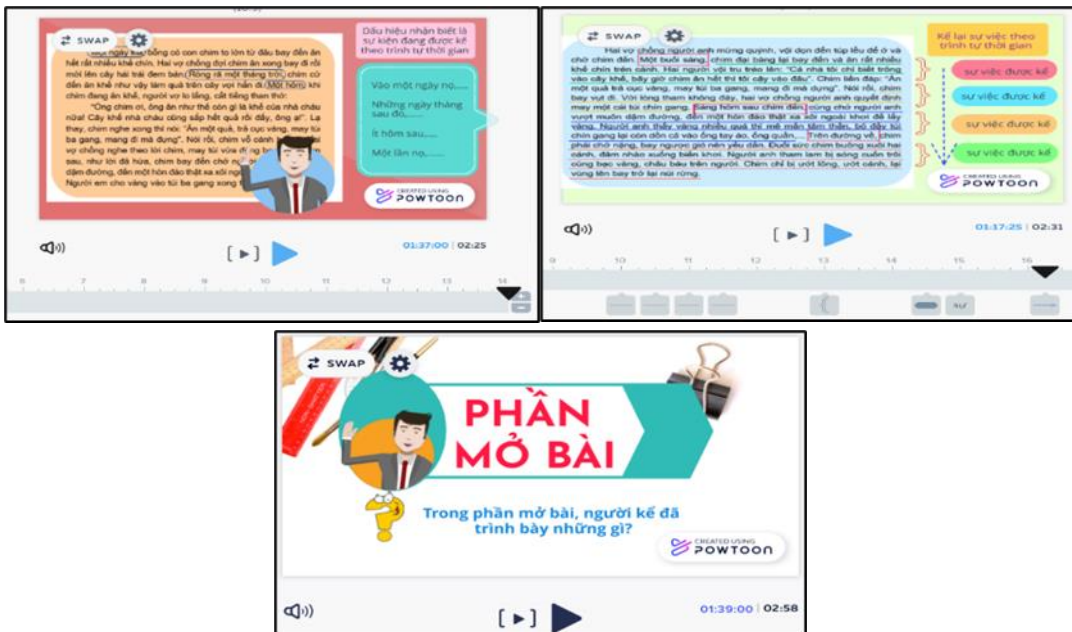
Bước 3. Tiến hành thiết kế video

– Những kí hiệu, màu sắc, hộp thông tin,... được dùng để tiến hành phân tích VB bằng cách dùng lời nói để giải thích các đặc điểm của VB và ghi âm lại. Kết hợp với đó, những ghi chú bên lề trang trình chiếu giúp HS dễ dàng quan sát đặc điểm của kiểu VB về kết cấu, ngôn ngữ sử dụng, gọi ý những từ ngữ đồng nghĩa,...

– Xem lại và chỉnh sửa video.

Bước 4. Đăng, xuất video.

Kết thúc video hướng dẫn phân tích mẫu, thao tác chia sẻ và liên kết với Youtube được thực hiện để được xuất video và gửi đến HS.



Hình 1. Một số hình ảnh minh họa cho video phân tích mẫu bằng Powtoon

Sau khi đăng xuất video phân tích mẫu VB, GV sử dụng video này để hướng dẫn HS nhận diện và viết VB tự sự. Các bước hướng dẫn HS phân tích

mẫu bằng video trên phần mềm Powtoon gồm có 5 bước (Bảng 1)

Bảng 1. Hướng dẫn HS viết VB tự sự bằng video phân tích mẫu

Các bước tiến hành	Nội dung thực hiện
Bước 1. Cung cấp, giới thiệu mẫu	- Tập trung quan sát mẫu GV cho HS tập trung quan sát 1 video được thực hiện trên Powtoon. Trong video này, GV hướng dẫn HS phân tích các đặc điểm của kiểu VB tự sự: cấu trúc, ngôn ngữ được sử dụng, đặc điểm của mở bài (MB), thân bài (TB), kết bài (KB).
Bước 2. Hướng dẫn HS nhận diện đặc điểm VB mẫu	- Ghi nhớ những gì đã quan sát GV thiết kế một số PHT/ câu hỏi/ sơ đồ,... để HS thảo luận, ghi lại những gì đã quan sát được về đặc trưng của kiểu VB tự sự.
Bước 3. Tổ chức cho HS thực hành viết có hướng dẫn của GV	- Tái tạo những gì đã quan sát Dựa vào việc quan sát video phân tích mẫu (bước 1) và thảo luận (bước 2), GV cho HS 1 đề bài và HS thực hành viết nhóm/ cá nhân... có sự hướng dẫn của GV: HS thảo luận, tìm ý tưởng cho bài viết, lập dàn ý, viết MB, KB.
Bước 4. HS viết độc lập	- HS thực hành viết độc lập Người viết (HS) vận dụng những gì mình quan sát và thảo luận để thực hiện viết độc lập (viết ở nhà) phân thân bài và hoàn thiện bài.
Bước 5. Chia sẻ, đánh giá	- Chia sẻ và đánh giá GV tổ chức cho HS chia sẻ bài viết của mình và đánh giá lẫn nhau với sự tham gia của GV. GV có thể tổ chức cho HS xem lại video một lần nữa trước khi đánh giá sản phẩm cá nhân.

4. THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

4.1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là 40 HS lớp 6A6, trường THCS Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Thời gian nghiên cứu được tiến hành từ tháng 9/2021 đến tháng 01/2022.

4.2. Thu thập và phân tích dữ liệu

Các dữ liệu thu thập gồm có: bài viết của HS (87), PHT thực hiện trên Google Form (122). Do số lượng dữ liệu khá lớn nên sản phẩm được tập trung phân tích là sản phẩm của 3 nhóm HS, gồm: 2 HS khá (mã hóa: HSK-1, HSK-2), 2 HS trung bình (mã hóa: HSTB-1, HSTB-2), 2 HS yếu (mã hóa: HSY-1,

HSY-2). Việc xếp loại trình độ HS được dựa trên kết quả đánh giá từ bài viết kiểm tra trước thực nghiệm (TN) của HS. Các dữ liệu thu thập được phân tích bằng cả phương pháp định tính và định lượng. Các PHT được thống kê và xử lý định tính để thấy được sự thay đổi của HS trong việc nhận diện kiểu bài và đặc điểm của kiểu bài văn tự sự, còn bài viết của HS được thu thập, đánh giá và thống kê định lượng kết hợp với phân tích định tính để thấy được sự tiến bộ của HS trong thực hành viết bài văn thể hiện được các đặc điểm của một bài văn tự sự. Dựa vào đặc điểm kiểu VB tự sự trong SGK Ngữ văn 6 (Chân trời sáng tạo), các tiêu chí được xác định để đánh giá sản phẩm bài văn tự sự (Bảng 2) của HS như sau:

Bảng 2. Tiêu chí đánh giá hai kiểu bài văn tự sự (lớp 6)

Tiêu chí (TC)	Mức độ 1 (Không hoàn thành)	Mức độ 2 (Hoàn thành)	Mức độ 3 (Hoàn thành tốt)
1- Giới thiệu về câu chuyện định kể (TC1)	Kiểu bài: Kể lại một truyện cổ tích		
	Chưa giới thiệu được tên câu chuyện định kể và chưa nêu được lý do kể chuyện.	Giới thiệu được tên và dẫn dắt để kể chuyện khá hấp dẫn, sinh động.	Giới thiệu được tên và dẫn dắt để lý do kể chuyện hấp dẫn, sinh động và thu hút người đọc.
2. Sử dụng ngôi kể (TC2)	Kiểu bài: Kể lại một trải nghiệm của bản thân		
	Chưa giới thiệu và dẫn dắt câu chuyện định kể.	Có giới thiệu và dẫn dắt câu chuyện định kể nhưng chưa tạo được sự hấp dẫn, tò mò cho người đọc.	Giới thiệu và dẫn dắt câu chuyện định kể hấp dẫn, gây tò mò và thu hút người đọc.
3. Sử dụng ngôi kể (TC2)	Kiểu bài: Kể lại một truyện cổ tích		
	Chưa phân biệt và sử dụng đúng ngôi kể (ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba).	Dùng ngôi thứ ba để kể, nhưng vẫn còn chưa nhất quán ngôi kể trong toàn bài viết.	Dùng ngôi thứ ba để kể một cách thống nhất.
3. Giới thiệu nhân vật, không gian, thời gian và hoàn cảnh diễn ra của câu chuyện (TC3)	Kiểu bài: Kể lại một trải nghiệm của bản thân		
	Giới thiệu chưa đầy đủ về nhân vật, không gian, thời gian và hoàn cảnh diễn ra của câu chuyện.	Dùng ngôi thứ nhất để kể, nhưng vẫn còn chưa nhất quán ngôi kể trong toàn bài viết.	Dùng ngôi thứ nhất để kể một cách thống nhất.
4. Trình bày các sự việc theo một trật tự hợp lý (TC4)	Giới thiệu chi tiết về nhân vật, không gian, thời gian và hoàn cảnh diễn ra của câu chuyện.		
	Kiểu bài: Kể lại một truyện cổ tích		
Nội dung	Trình bày, tổ chức và sắp xếp các sự việc chưa hợp lý, chưa theo đúng trình tự thời gian và đảm bảo khả năng chi tiết và chưa đảm bảo đầy đủ các sự việc và các yếu tố kì ảo từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc câu chuyện.		
	Trình bày, tổ chức và sắp xếp các sự việc theo đúng trình tự thời gian và đảm bảo chi tiết các sự việc và đầy đủ các yếu tố kì ảo từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc câu chuyện.		
5. Kết hợp kể và tả (TC5)	Kiểu bài: Kể lại một trải nghiệm của bản thân		
	Không trình bày và sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lý.	Trình bày và sắp xếp các sự việc theo một trình tự khá hợp lý, còn một vài chỗ chưa đúng (thiếu logic) với trình tự diễn ra của câu chuyện.	Trình bày, tổ chức và sắp xếp các sự việc theo đúng trình tự xuất hiện của các chi tiết, sự việc trong câu chuyện.
6. Nêu cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện (TC6)	Không có sự kết hợp giữa kể và tả trong quá trình viết bài văn (chủ yếu là kể).		
	Sử dụng thao tác kể và tả trong quá trình viết bài văn nhưng chưa được linh hoạt.	Kết hợp giữa kể và tả trong quá trình viết bài văn một cách linh hoạt.	
7. Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự (TC7)	Không thể hiện cảm xúc của bản thân và không nêu được bài học nhận thức của bản thân về câu chuyện.		
	Không thể hiện cảm xúc của bản thân và tả trong quá trình viết bài văn (chủ yếu là kể).	Thể hiện cảm xúc của bản thân nhưng chưa nêu được bài học nhận thức của bản thân về câu chuyện.	Thể hiện được cảm xúc của bản thân và nêu lên được bài học nhận thức của bản thân về câu chuyện.
Hình thức	Đảm bảo được cấu trúc của bài văn (MB, TB, KB).		
	Không đảm bảo được cấu trúc của bài văn (MB, TB, KB).	Đảm bảo được cấu trúc của bài văn (MB, TB, KB) một cách đầy đủ nhưng chưa được cân đối.	Đảm bảo được cấu trúc của bài văn (MB, TB, KB) một cách đầy đủ và cân đối.
8. Chính tả, ngữ pháp (TC8)	Chưa viết đúng chính tả, ngữ pháp. Sai quá 10 lỗi chính tả và ngữ pháp.		
	Viết đúng chính tả, ngữ pháp.	Viết đúng chính tả, ngữ pháp. Không sai quá 6 lỗi chính tả và ngữ pháp.	Viết đúng chính tả, ngữ pháp. Không sai quá 3 lỗi chính tả và ngữ pháp.

4.3. Tiến trình thực nghiệm

Từ quy trình áp dụng phương pháp phân tích mẫu vào quá trình dạy viết (Bảng 1), mỗi bài TN được tiến hành qua 5 bước:

- (1) Cung cấp, giới thiệu mẫu;
- (2) Hướng dẫn HS nhận diện đặc điểm VB mẫu;
- (3) Tổ chức cho HS thực hành viết dưới sự hướng dẫn của GV;

- (4) HS viết độc lập;
- (5) Chia sẻ, đánh giá.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 nên tất cả tiết TN đều thực hiện online với sự hỗ trợ của Google Meet và ứng dụng Zalo.

Ngữ liệu được sử dụng để phân tích mẫu trong các tiết TN, tổ chức và hướng dẫn cho HS nhận diện kiểu bài và thực hành viết bài văn tự sự gồm *Kể lại một truyện cổ tích* (Chủ điểm Miền cổ tích) và *Kể lại một trải nghiệm của bản thân* (Chủ điểm Những trải nghiệm trong đời) trong SGK Ngữ văn 6 - Bộ Chân trời sáng tạo (2021). Các bước tiến hành được cụ thể hoá như sau: (Bảng 3)

Bảng 3. Các bước hướng dẫn HS phân tích mẫu

Bước tiến hành	TN1 Kể lại một truyện cổ tích	TN2 Kể lại một trải nghiệm của bản thân
Bước 1. Cung cấp, giới thiệu mẫu	GV cung cấp 1 video phân tích mẫu được thiết kế trên Powtoon và trình chiếu cho HS quan sát ngữ liệu VB mẫu: “ <i>Kể lại truyện cổ tích cây khế</i> ”. Trong giai đoạn này, nhiệm vụ chính của HS là quan sát.	GV cung cấp 1 video phân tích mẫu được thiết kế trên Powtoon và trình chiếu cho HS quan sát ngữ liệu VB mẫu: “ <i>Kể lại một trải nghiệm của bản thân</i> ”. Trong giai đoạn này, nhiệm vụ chính của HS là quan sát.
Bước 2. Hướng dẫn HS phân tích đặc điểm VB mẫu	<p>- GV thiết kế PHT trên Google Form cho HS thực hiện để kiểm tra khả năng nhận diện đặc điểm kiểu VB của HS. Nội dung PHT gồm các câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bài văn <i>Kể lại một truyện cổ tích</i> gồm có mấy phần? Người viết sử dụng ngôi kể như thế nào? 2. Nội dung phần mở bài? 3. Phần TB, người viết có giới thiệu được nhân vật và hoàn cảnh xảy ra câu chuyện hay không? 4. Phần TB, các sự kiện được kể lại theo một trật tự như thế nào? 5. Phần TB, người viết có chú ý kể lại các sự kiện có yếu tố kì ảo hay không? Thể hiện qua những chi tiết nào? 6. Phần KB trình bày những gì? 	<p>- GV thiết kế PHT trên Google Form cho HS thực hiện để kiểm tra khả năng nhận diện đặc điểm kiểu VB của HS. Nội dung PHT gồm các câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Câu chuyện trên được kể bằng ngôi thứ mấy? 2. Trải nghiệm của nhân vật “tôi” được kể lại với những sự việc chính nào? 3. Chỉ ra những chi tiết nhân vật “tôi” sử dụng yếu tố miêu tả khi kể lại trải nghiệm. Việc sử dụng các yếu tố đó có tác dụng gì? 4. Nhân vật “tôi” đã nhận ra ý nghĩa gì của trải nghiệm? Vì sao ý nghĩa đó nên được trình bày trong đoạn cuối của văn bản? 5. Từ câu chuyện trên, em học được điều gì về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân?
Bước 3. Tổ chức cho HS viết dưới sự hướng dẫn của GV thông qua câu hỏi, thảo luận nhóm	<p>- GV cho đề bài <i>Viết bài văn khoảng 400 chữ kể lại một truyện cổ tích</i>, tổ chức cho HS thảo luận để phân tích đề, lập dàn ý và viết MB, KB. GV dùng những câu hỏi sau để hỗ trợ HS trong quá trình viết:</p> <p>MB: Viết đoạn mở bài <i>Kể lại một truyện cổ tích</i> thông qua hai câu hỏi gợi ý sau: (1) <i>Câu chuyện mà em định kể có tên là gì?</i> (2) <i>Vì sao em lại chọn kể lại câu chuyện này?</i></p> <p>KB: Viết đoạn kết bài <i>Kể lại một truyện cổ tích</i> thông qua hai câu hỏi gợi ý sau: (1) <i>Cảm nghĩ của em như thế nào về truyện cổ tích mà em đã kể?</i> (2) <i>Hãy chia sẻ bài học mà em rút ra được từ câu chuyện đó?</i></p> <p>TB: GV định hướng cho HS lên ý tưởng và sắp xếp lại các sự việc chính: <i>Khi kể lại truyện cổ tích, cần phải chú ý đến kể lại các sự kiện theo trình tự thời gian. Vậy nên, em hãy liệt kê những sự việc chính có trong câu chuyện mà em định kể?</i></p>	<p>- GV cho đề bài <i>Viết bài văn khoảng 400 chữ kể lại một trải nghiệm của bản thân</i>. GV tổ chức cho HS thảo luận để phân tích đề, lập dàn ý và viết MB, KB. GV dùng những câu hỏi sau để hỗ trợ HS trong quá trình viết:</p> <p>MB: <i>Một trải nghiệm của bản thân mà em muốn kể cho mọi người nghe là gì? Hãy giới thiệu khái quát về câu chuyện đó.</i></p> <p>KB: Trình bày ý nghĩa của trải nghiệm đó đối với bản thân em và rút ra bài học nhận thức (nếu có).</p> <p>TB: GV định hướng cho HS lên ý tưởng và sắp xếp lại các sự việc chính: (1) <i>Thời gian và không gian diễn ra câu chuyện đó như thế nào?</i> (2) <i>Có những nhân vật nào có liên quan đến câu chuyện của em?</i> (3) <i>Câu chuyện của em kể có những sự việc nào? Hãy liệt kê những sự việc đó theo một trình tự thời gian (kết hợp kể và tả).</i></p>
Bước 4. Tổ chức cho HS viết độc lập	- Mỗi HS dựa trên sản phẩm thực hành ở bước 3 để tự viết bài viết.	- Mỗi HS dựa trên sản phẩm thực hành ở bước 3 để tự viết bài.
Bước 5. Chia sẻ, đánh giá	- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài viết, gửi qua zalo và đánh giá sản phẩm.	- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài viết, gửi qua zalo và đánh giá sản phẩm.

5. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Sau quá trình nghiên cứu, dựa vào các số liệu thu thập được trong suốt tiến trình TN, kết quả thu được như sau:

* Về khả năng nhận biết về đặc điểm kiểu VB tự sự:

Trong mỗi tiết TN, sau khi cho HS xem video phân tích mẫu trên phần mềm Powtoon, HS được thảo luận trả lời câu hỏi và thực hiện các PHT được thiết kế trên Google Form của 3 nhóm học sinh khá (HSK), học sinh trung bình (HSTB), học sinh yếu (HSY) (số phiếu thu nhận của 3 nhóm là 12 phiếu). Qua đó, kết quả là:

Các câu trả lời trên Google Form (TN1 có 6 câu hỏi và TN2 có 5 câu hỏi) cho thấy HS nhận biết khá tốt về đặc điểm kiểu bài văn tự sự. Ở TN1 (*Kể lại một chuyện cổ tích*), khi nhận được câu hỏi “(1) Bài văn *Kể lại một truyện cổ tích gồm có mấy phần? Người viết sử dụng ngôi kể như thế nào?*” có 6/6 HS đã trả lời đúng yêu cầu khi viết một bài văn tự sự thì phải đảm bảo bố cục 3 phần, người kể chủ yếu sử dụng ngôi thứ ba để kể, câu trả lời của HSK-1 còn có chú thích “*Sử dụng ngôi thứ ba, người kể sẽ đấu mình*”. Đến yêu cầu về nhận biết “(2) *Nội dung phần mở bài?*”, cả 3 nhóm HS đã thể hiện được sự quan sát khá tốt và xác định được “*Giới thiệu được tên câu chuyện Cây khế và nêu lên lý do để kể chuyện*” (HSTB-1).

Tiếp đến, ở câu hỏi số (3): “*Phần TB, người viết có giới thiệu được nhân vật và hoàn cảnh xảy ra câu chuyện hay không?*”, kết quả nhận được có 6/6 HS trả lời là “*Có*”, trong đó, HSK-2 còn đưa ra ý kiến giải thích “*Có. Em nhận thấy người viết đã giới thiệu về nhân vật hai anh em. Sau đó, giới thiệu về hoàn cảnh gia đình của họ*”. Trong khi đó, nhóm HSTB và HSY (4/6 HS) chỉ dừng lại ở việc xác định “*Có*” và không có lý giải cụ thể. Đối với câu hỏi “(4) *Phần TB, các sự kiện được kể lại theo một trật tự như thế nào?*” thì 5/6 HS xác định đúng “*Trong truyện cổ tích được kể trật tự theo thời gian*” (HSTB-1), ý kiến của HSY-2 trả lời chưa đúng vào trọng tâm câu hỏi. Với câu hỏi cuối cùng ở phần TB, GV muốn kiểm tra khả năng quan sát VB mẫu của HS là “(5) *Phần TB, người viết có chú ý kể lại các sự kiện có yếu tố kì ảo hay không? Thể hiện qua những chi tiết nào?*”, 6/6 HS trả lời là “*Có chú ý đến kể lại các yếu tố kì ảo*” nhưng khi được yêu cầu tìm ví dụ về một số yếu tố kì ảo trong VB mẫu thì nhóm HSY chưa xác định đúng trọng tâm, ví dụ như HSY-2 “*Có...*”; HSY-1 “*Có. Ví dụ: Con chim biết nói*”. Trong khi đó, nhóm HSK và HSTB thì trả lời câu hỏi khá đầy đủ và chính

xác, lấy một ví dụ như: HSK-1 “*Có, chẳng hạn như có một con chim lạ từ đâu bay đến nhà người em ăn khê, sau đó nó ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng*”. Có thể nhận thấy, nhóm HSK, HSTB đã chú ý đến các yếu tố kì ảo nổi bật trong truyện cổ tích.

Đến câu hỏi (6): “*Phần KB trình bày những gì?*”, 6/6 HS trả lời đúng yêu cầu. Có thể thấy, đây không phải là nhiệm vụ khó và phức tạp đối với HS. Từ 6 câu hỏi đặt ra ở TN1, chúng tôi nhận thấy nhóm HSK, HSTB đã có sự tập trung quan sát, nhận diện và trả lời đúng được các yêu cầu về đặc điểm ở phần TB của VB mẫu khi được xem video phân tích, kĩ năng trả lời câu hỏi cũng được đánh giá khá tốt. Trong khi đó, nhóm HSY chưa thể hiện câu trả lời đúng yêu cầu về nhận diện đặc điểm của kiểu VB mẫu.

Ở tiết TN2 (*Kể lại một trải nghiệm của bản thân*), cũng tương tự như TN1, HS được quan sát video phân tích mẫu VB trên Powtoon, sau quá trình quan sát, HS sẽ thực hiện PHT trên Google Form để GV có thể đánh giá được quá trình quan sát, nhận biết, ghi nhớ của HS về đặc điểm của VB mẫu được phân tích. Thông qua TN2, các câu hỏi được đặt ra là “(1) *Câu chuyện trên được kể bằng ngôi thứ mấy?*”, 6/6 HS trả lời đúng yêu cầu này. So với TN1, kết quả nhận được cũng tương tự, các em HS đều chú ý đến đặc điểm sử dụng ngôi kể trong bài viết. Đến với câu hỏi “(2) *Trải nghiệm của nhân vật “tôi” được kể lại với những sự việc chính nào?*”, 4/6 HS trả lời đạt yêu cầu, xác định được đúng thứ tự và đầy đủ các sự việc chính, lấy ví dụ như HSK-2 “*Sự việc chính, sự việc 1: Làng tôi vốn rất thanh bình, yên ả với một dòng sông êm đềm, chảy qua làng. Sự việc 2: Buổi trưa hôm ấy, sau khi đá bóng xong, chúng tôi ngõ nhau ra sông tắm. Sự việc 3: Đến khi nhìn lại tôi nhận ra mình đã bơi khá xa bờ. Bỗng nhiên, tôi thấy bắp chân đau điếng và không thể điều khiển được nó theo ý mình nữa. Sự việc 4. Tôi được giúp đỡ và cứu lên bờ*” trong khi đó, nhóm HSY chưa trình bày được đầy đủ và câu trả lời rất sơ sài.

Tiếp theo, ở câu hỏi số (3): “*Chỉ ra những chi tiết nhân vật “tôi” sử dụng yếu tố miêu tả khi kể lại trải nghiệm. Việc sử dụng các yếu tố đó có tác dụng gì?*”, kết quả nhận được có 2/6 HS trả lời đầy đủ được câu hỏi, tức là có chỉ ra được một vài câu văn có yếu tố miêu tả và nêu lên được tác dụng, lấy ví dụ HSK-2 “*Một số chi tiết có sử dụng yếu tố miêu tả: Vào mùa hè, nước sông thường cạn nên chúng tôi tung tăng bơi lội. Trêu đùa rộn rã của một góc sông. (Cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn). Trộn*

đầu diễn ra vô cùng cán thẳng, gay cán, quyết liệt. (Gây sóng đông, kích tích), câu trả lời còn một vài lỗi chính tả nhưng HS đã thể hiện được sự quan sát, nhận biết khá tốt. Trong khi đó, nhóm HSK, HSY chỉ đưa ra được ví dụ về câu văn có yếu tố miêu tả nhưng không trả lời được tác dụng, hơn thế, kết quả trả lời của HSY-1 còn chưa đúng yêu cầu. Với câu hỏi “(4) Nhân vật “tôi” đã nhận ra ý nghĩa gì của trải nghiệm? Vì sao ý nghĩa đó nên được trình bày trong đoạn cuối của VB?”, 6/6 HS trả lời đạt yêu cầu ý thứ nhất trong câu hỏi này, nhưng đến ý trả lời cho câu hỏi “vì sao” thì chỉ ghi nhận được 3/6 HS ở nhóm HSK và HSTB.

Cuối cùng, với câu hỏi (5): “*Từ câu chuyện trên, em học được điều gì về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân?*”, 3 nhóm HS đã hoàn thành khá tốt, đạt yêu cầu, nhóm HSK và HSTB rút ra được từ 4 đặc điểm trở lên, còn nhóm HSY chỉ nêu được 3 đặc điểm, ví dụ như HSK-1 “*Về cách viết đúng theo trình tự của các sự việc chính khi kể chuyện. Phải sử dụng đúng ngôi kể là ngôi thứ nhất. Học được cách sử dụng câu miêu tả và câu kể chuyện. Phải rút ra được bài học.*” Các ý kiến của HS rút ra dù chưa phải là đầy đủ, nhưng thông qua đó cũng đã thể hiện được sự nhận thức của HS về một số đặc điểm đặc trưng cho kiểu bài mà các em sắp thực hành viết.

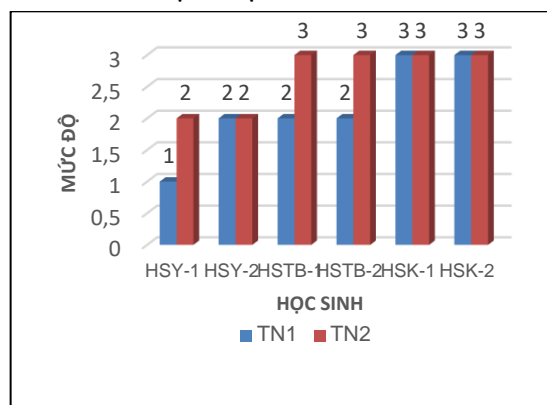
Nhìn chung, thông qua TN1, TN2, việc phân tích các dữ liệu thu thập được đã cho thấy tác động của phân tích mẫu VB đến khả năng nhận diện của HS về đặc điểm kiểu VB tự sự, từ đó, tác động đến khả năng viết bài văn tự sự của HS.

* Về khả năng viết được bài văn tự sự đáp ứng đúng yêu cầu của kiểu VB:

Chất lượng các sản phẩm của HS qua quá trình TN đã có sự nâng cao, từng bước đáp ứng yêu cầu của kiểu bài. Cụ thể là:

Về cách giới thiệu câu chuyện định kể: Ở TN1, HS quan sát video GV phân tích mẫu VB về cấu trúc của một bài văn tự sự và hướng dẫn cách viết bài văn. Ở phần MB, HS đã biết cách dẫn dắt vấn đề để giới thiệu về câu chuyện định kể. Kết quả ở TN1 cho thấy 1/6 HS đạt mức 1 (không hoàn thành), có 3/6 HS đạt mức 2 (hoàn thành) và 2/6 HS đạt mức 3 (hoàn thành tốt). HSTB-2 đã học tập cách mở bài của video phân tích mẫu để dẫn dắt và giới thiệu được tên câu chuyện cổ tích được kể, HS đã sử dụng lại câu thơ của nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ để mở bài “*Tôi yêu truyện cổ nước tôi, Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*” (Lâm Thị Mỹ Dạ). *Thuở ấu thơ, ai cũng đã được bà hoặc mẹ kể chuyện cổ tích cho nghe, những câu chuyện ấy đã mở ra cho chúng ta một thế*

giới kì ảo và nhiệm màu. Nhưng câu chuyện làm em nhớ nhất là truyện Cây tre trăm đốt”. Đến TN2, Kể lại một trải nghiệm của bản thân, đánh giá việc dẫn dắt vấn đề để giới thiệu trải nghiệm của bản thân HS đã có sự thay đổi so với TN1, kết quả đánh giá cho thấy không có bài viết của HS đạt mức 1 (Không hoàn thành), có 2/6 HS đạt mức 2 (hoàn thành) và có 4/6 HS đạt mức 3 (hoàn thành tốt). Ở giai đoạn này, nhóm HSK và HSTB đã có sự tiến bộ vượt bậc so với TN1, các bài viết của nhóm HSK đều đạt ở mức 3 (hoàn thành tốt), trong khi đó, bài viết của nhóm HSY dù có sự thay đổi ở mức độ, tuy nhiên vẫn chưa nhiều. HSY vẫn còn khá lúng túng trong việc dẫn dắt vấn đề để giới thiệu câu chuyện sắp kể, cần nhiều đến sự hỗ trợ của GV.



Hình 2. Kết quả đánh giá bài viết của HS theo TC1

Về việc sử dụng ngôi kể: Các nhóm HS đã phân biệt được ngôi kể khi thực hiện viết bài văn ở TN1 (Kể lại một truyện cổ tích) thì sử dụng ngôi thứ ba (người kể giấu mình) và khi viết bài văn TN2- Kể lại chính trải nghiệm của bản thân thì dùng ngôi thứ nhất (Người kể xưng là Tôi, em, mình...). Dựa vào kết quả phân tích dữ liệu từ quá trình xem video phân tích mẫu VB và thực hiện PHT, có thể thấy, 3 nhóm (6/6 HS) đều xác định và nhận diện đúng ngôi kể ở hai kiểu bài. Tuy nhiên, trong bài viết, đôi chỗ HS còn sử dụng chưa nhất quán, ví dụ bài viết của HSY-1, HSY-2, HSTB-2 còn chưa sử dụng thống nhất ngôi kể như “*tôi*”, “*minh*”.

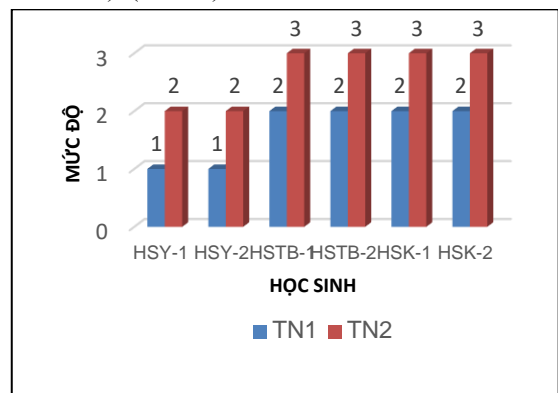
Về giới thiệu nhân vật, không gian, thời gian và hoàn cảnh diễn ra của câu chuyện: Kết quả đánh giá từ TN1 (Kể lại một truyện cổ tích), cho thấy có 2/6 HS đạt mức 1 (Không hoàn thành), 3/6 HS đạt mức 2 (hoàn thành), 1/6 HS đạt mức 3 (hoàn thành tốt). Đến TN2, Kể lại một trải nghiệm của bản thân, TC này đã có sự thay đổi đáng kể. Số bài viết đạt mức 2 (hoàn thành) đã tăng lên 4/6 bài viết, 2/6 bài viết đạt mức 3 (hoàn thành tốt).

Trình bày các sự việc theo một trật tự hợp lý: trong TN1: Kể lại một truyện cổ tích, kết quả từ sản phẩm bài viết của 3 nhóm HS đã cho thấy có 5/6 bài viết của HS được đánh giá (*hoàn thành*), bài viết đã đảm bảo được TC các sự việc chính được trình bày theo với trật tự thời gian, bài viết bám sát vào kể lại chi tiết các của câu chuyện cổ tích từ đầu đến cuối và chú ý đến kể các các yếu tố kì ảo; 1/6 bài viết đạt mức 1 (*Không hoàn thành*) vì lí do: (a) Bài viết không đảm bảo đầy đủ được chi tiết các sự việc có trong truyện cổ tích; (b) Các sự việc trình bày đã có sự xáo trộn; (c) Thiếu các sự việc chính. Đến với TN2 (Kể lại một trải nghiệm của bản thân), kết quả nhận được có 5/6 bài viết đạt mức 2 (*hoàn thành*), 1/6 bài viết đạt mức 3 (*hoàn thành tốt*), không có bài viết đạt mức 1. So với TN1, HS đã có sự tiến bộ hơn trong kỹ năng *trình bày, tổ chức và sắp xếp* các sự việc theo một trật tự hợp lý, theo đúng trật tự xuất hiện của các chi tiết, sự việc trong câu chuyện.

Về kết hợp kể và tả: Trong TN1, HS vẫn chưa biết cách kết hợp giữa việc sử dụng yếu tố tả lồng ghép vào bài văn kể chuyện. Một số bài viết mang tính chất liệt kê các sự việc là chủ yếu. Kết quả TN1 cho thấy có 5/6 bài viết đạt mức 1 (*không hoàn thành*), còn 1/6 HS đạt mức 2 (*hoàn thành*). Đến TN2, GV nhấn mạnh đến TC này nhiều hơn, bài viết HS đã có những sự thay đổi, HSTB-2 đã biết cách sử dụng tính từ để miêu tả “*Vào mùa hè năm tôi 9 tuổi, trong một ngày nóng oi bức chỉ khiến người ta chỉ muốn nằm trong phòng hưởng máy lạnh. Mẹ tôi đi công việc nên giao cho tôi việc nhà. Tôi bảo “Dạ” xong rồi chơi game. Lúc đó, tôi đang chơi game rất vui nên quên cả công mẹ giao cho tôi....*”. Có 3/6 bài viết đạt mức 2 (*hoàn thành*), không có bài viết đạt mức độ 3 (*hoàn thành tốt*), so với bài viết trước TN, TC này vẫn không có sự thay đổi nhiều.

Về nêu cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện: Kết quả đánh giá bài viết từ TN1 (Kể lại một truyện cổ tích), cho thấy, nhóm HSY chưa trình bày được TC cảm nghĩ của bản thân, các bài viết chủ yếu dừng lại ở việc kể hết các sự việc của câu chuyện, cho nên ở TC này, nhóm HSY đạt mức 1 (*không hoàn thành*). Đối với nhóm HSK và HSTB, 4/6 bài viết của HS đã đảm bảo được TC này đạt ở mức 2 (*hoàn thành*). Đến giai đoạn TN2 (Kể lại một trải nghiệm của bản thân), có 4/6 bài viết đạt mức độ 3 (*hoàn thành tốt*), 2/6 bài viết đạt mức 2 (*hoàn thành*). So với giai đoạn TN1, HS đã có sự tiến bộ vượt bậc ở TC này. Một ví dụ ở bài viết của HSTB-2, em có trình bày “*Sau lần đó, tôi trở nên ngoan ngoãn và nghe lời mẹ hơn. Tôi không còn nghịch ngợm lung tung nữa. Và mỗi khi trời đổ mưa thì tôi lại bồi hồi mà nhớ về những kỉ niệm gốc gác ấy của*

minh”. Cách sử dụng từ ngữ của các em HS đã có sự thay đổi đi rất nhiều so với bài viết TN1, ngôn ngữ được sử dụng linh hoạt và trau chuốt hơn trong cách kể chuyện. *Đảm bảo cấu trúc của bài văn:* trong giai đoạn TN1 (Kể lại một truyện cổ tích), thông qua video phân tích mẫu và các PHT hướng dẫn HS phân tích mẫu, HS đã có sự chú ý đến việc cần phải xây dựng MB và KB khi viết một bài văn kể chuyện. Từ kết quả đánh giá bài viết TN1, 5/6 bài viết của HS đạt mức 2 (*hoàn thành*) và 1/6 bài viết của HS (HSY-1) đã bỏ qua phần giới thiệu, dẫn dắt vào câu chuyện định kể ở phần MB (TC1) và nêu cảm nghĩ của bản thân sau câu chuyện ở TB (TC6). Tuy nhiên, đến giai đoạn TN2 (Kể lại một trải nghiệm của bản thân), HS đã có sự tiến bộ vượt bậc ở TC này, 6/6 bài viết HS đạt từ mức 2 (*hoàn thành*) trở lên, trong đó có 4/6 bài viết đạt mức 3 (*hoàn thành tốt*). (Hình 3).



Hình 3. Kết quả đánh giá bài viết của HS theo TC7

Viết đúng chính tả, ngữ pháp: kết quả đánh giá từ TN1 cho thấy 5/6 bài viết của HS đạt mức độ 2 (*hoàn thành*) và 1/6 bài viết của HS đạt mức độ 1 (*không hoàn thành*), một số lỗi mà HS thường mắc phải là: chính tả, ngữ pháp trong câu. Sau giai đoạn TN2, cách sử dụng từ ngữ của các em HS đã có sự thay đổi so với bài viết ở TN1, sự thay đổi không quá nhiều nhưng nhìn chung có thể đánh giá được khả năng sử dụng ngôn ngữ đã linh hoạt và trau chuốt hơn trong cách kể chuyện.

Thảo luận kết quả: Học thông qua quan sát và bắt chước mẫu là cách học phổ biến (Bandura, 1977). HS càng nhỏ tuổi thì càng cần được quan sát mẫu để hiểu được đặc điểm của “mẫu”, từ đó tái tạo sản phẩm theo mẫu. Chính vì thế, một trong những phương pháp dạy viết hiệu quả là phân tích VB mẫu (models) để giúp HS hiểu được đặc điểm của thể loại (genre-based learning), từ đó, viết được văn bản đáp ứng đúng yêu cầu. Đây là phương pháp dạy viết phổ

biên đã được đề cập trong nhiều tài liệu như CTGDPT môn Ngữ văn (Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt Nam, 2018), Sách GV Ngữ văn 6 (Nam và ctv., 2020), Tài liệu hướng dẫn Bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán - Mô đun 2 - Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS trung học phổ thông (Hiếu và ctv., 2020),... Việc hướng dẫn HS phân tích VB mẫu thông qua Powtoon cần được thực hiện qua từng bước với sự trợ giúp của GV và bạn học (NSW Department of Education and Training, 1999; Phương, 2009; Hiếu và ctv., 2020,...). Sử dụng Powtoon kết hợp PHT trên Google Form và Zalo để hướng dẫn HS quan sát và phân tích VB mẫu là cách dạy viết phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh. Tuy nhiên, GV có thể không dùng Powtoon mà hướng dẫn HS phân tích mẫu trực tiếp trên lớp học, trực tiếp qua bảng phụ, màn hình máy tính nhưng với các thao tác phân tích mẫu được ghi lại thành các clip, HS có thể xem đi xem lại nhiều lần để hiểu rõ đặc điểm kiểu VB. Đó là ưu thế của việc dùng Powtoon.

Kết quả nghiên cứu đã chứng minh hiệu quả của việc phối hợp phương pháp phân tích mẫu VB trên Powtoon với việc giảm dần sự trợ giúp của GV qua ba giai đoạn (hướng dẫn phân tích VB mẫu; hướng dẫn xây dựng dàn ý, viết MB, KB theo nhóm; tổ chức cho HS viết độc lập TB và hoàn chỉnh bài viết) đối với chất lượng bài viết của HS. Các dữ liệu thu thập được từ câu trả lời trên các PHT của ba nhóm HSK, HSTB, HSY. Qua 2 bài TN, có thể thấy, các em đã từng bước nhận diện được đặc điểm của VB tự sự với hai kiểu bài: *Kể lại một truyện cổ tích* và *Kể lại một trải nghiệm của bản thân* (1). Từ kết quả này dẫn đến kết quả thứ hai, đó là chất lượng bài viết của ba nhóm của HS đã được nâng cao (2) (đây là

một cơ sở để đánh giá được sự hình thành kỹ năng viết của HS) qua quá trình TN. Qua đó, kết quả nghiên cứu đã góp phần chứng minh rằng kỹ năng viết văn tự sự của HS cũng đã có sự thay đổi và tiến bộ hơn trước.

6. KẾT LUẬN

Rèn luyện kỹ năng viết là một nhiệm vụ mang tính thử thách không chỉ đối với GV mà còn với HS. Trước hết, để có thể viết được, HS cần phải có tri thức và kỹ năng về nhiều mặt: (1) tri thức nền về vấn đề mà đề bài yêu cầu; (2) tri thức về đặc điểm kiểu VB; (3) hiểu biết về ngữ pháp, có vốn từ ngữ; (4) có kỹ năng viết; (5) biết cách giao tiếp bằng hình thức viết,... Điều này yêu cầu GV phải có hiểu biết về đặc điểm của tiến trình viết, các phương pháp dạy viết, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Ngoài ra, GV còn phải hiểu biết rõ đối tượng HS để có cách dạy phù hợp. Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện nghiên cứu này là: Khi dạy viết, ngoài việc sử dụng video, GV nên kết hợp tổ chức cho HS thảo luận nhóm điền vào các sơ đồ khuyết, PHT,... để giúp HS dễ dàng nhận biết đặc điểm của kiểu VB. Các sơ đồ, PHT còn là minh chứng để GV có thể kiểm tra hoạt động quan sát và ghi nhớ của HS. Bài học kinh nghiệm thứ hai là cần giảm dần sự trợ giúp của GV bằng cách cho HS thảo luận, lập dàn ý, viết MB, KB theo nhóm để các em học hỏi lẫn nhau, sau đó, cho HS viết độc lập phần TB và hoàn chỉnh bài viết. Điều này giúp các em tăng sự tự tin và từng bước học cách viết sao cho đáp ứng yêu cầu kiểu VB. Trong nghiên cứu tiếp theo, phương pháp phân tích mẫu VB và làm mẫu kỹ năng viết sẽ được phối hợp sử dụng với chiến lược nói to suy nghĩ (think-aloud) để kỹ năng viết của HS được phát triển tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2013). *Ngữ văn 10. Cơ bản (Tập một)*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt Nam. (2018). *Chương trình GDPT môn Ngữ văn* (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo). Ban hành ngày 26/12/2018.
- Bandura, A. (1977). Self-efficacy: Toward a Unifying Theory of Behavioral Change. *Psychological Review*, 84(2), 191-215. <https://doi.org/10.1037/0033-295X.84.2.191>
- Bandura, A. (1977). *Social Learning Theory*, General learning Press.
- Ciravoglu, Ö. (1998). *Çocuk edebiyatı*. İstanbul: Esin Yayinevi.
- Hiếu, D. T. H., Thúy, N. T. N., Bảo, N. T. N., Khôi, N.P.B., Chi, L. T. N., Khôi, P. D., Truyền, B. T., Lan, T. T., Thế, P. G., & Thương, N. H. T. (2020). *Tài liệu hướng dẫn Bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán (Mô đun 2 – Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS trung học phổ thông)*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Peloghitis, J., & Ferreira, D. (2018). Đánh giá vai trò của văn bản mẫu trong hướng dẫn viết. *Accents Asia*, 10(1), 17-26.
- Nam, N. T. H. (2020). *Sách giáo viên Ngữ văn 6 (tập 1)- Bộ Chân trời sáng tạo*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nam, N. T. H. (2020). *Sách học sinh Ngữ văn 6 (tập 1)- Bộ Chân trời sáng tạo*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- NSW Department of Education and Training (1999). *Focus on literacy: Writing, State Literacy, and Numeracy Plan*. Curriculum Support Directorate.
- Pardyono. (2007). *Pasti Bisa Teaching Genre Based Writing*. Yogyakarta: Andi.
- Phượng, M. T. K. (2009). *Giáo trình phương pháp dạy học và làm văn*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Thi, N. T., Bảo, N. T. N., Duy, T. L., Hiếu, D. T. H., Lan, P. N., Mai, T. T. T., & Vân, Đ. P. C. (2022). *Sách giáo viên Ngữ văn 10 (Tập 1)- Bộ Chân trời sáng tạo*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Thống, Đ. N. (2014). Đổi mới căn bản, toàn diện chương trình Ngữ văn. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP.HCM*, 56(3/2014), 42-47.